

Bản án số: **27/2021/KDTM-PT**
Ngày: 07-01-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Chinh.

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Hường
Bà Trương Thị Quỳnh Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 01 năm 2021 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2020/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 100/2020/KDTM-ST ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5700/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2020 và Quyết định Hoàn phiên tòa số 18469 /2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V;

Địa chỉ: Số 34A-34B, phố H, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Diệp Quốc H là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 292/2020/GUQ-VAB ngày 09/4/2020) (có mặt);

Địa chỉ: Số 542/30 đường S, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên P;

Địa chỉ: Số 119 đường H, Phường H, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phan Thị B là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên P) (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 119 đường H, Phường H, thành phố T, tỉnh Long An.

Người kháng cáo:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần V

- Công ty TNHH Một thành viên P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần V trình bày:

Công ty TNHH Một thành viên P (gọi tắt là Công ty P) trước đây là Công ty P có ký Hợp đồng tín dụng dài hạn số 206/07/HDDH-VAB-CL ngày 20/9/2007 với Ngân hàng Thương mại cổ phần V – Chi nhánh Chợ Lớn để vay số tiền 7.000.000.000 đồng; thời hạn vay 120 tháng, kể từ ngày 20/9/2007 đến ngày 20/9/2017. Lãi suất năm đầu tiên 1,2%/tháng, lãi suất từ năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi. Phương thức thanh toán trả vốn góp hàng tháng là 58.000.000 đồng, tháng cuối trả 98.000.000 đồng và lãi hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm dần.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ Công ty P đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng Việt Á) quyền sử dụng đất tại Phường H, thị xã T, tỉnh Long An gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 220, tờ bản đồ số 25 diện tích 220m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 065008, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T 00055 và Quyền sử dụng thửa đất số 224, tờ bản đồ số 25, diện tích 284,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 065009, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T 00056; do Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp cho Công ty P ngày 28/4/2005. Ngày 20/9/2007 hai bên đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 205/07/HĐTC-VAB-CL; công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Long An, số công chứng 224, quyền số 06TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Long An.

Từ tháng 09/2008 Công ty P không thanh toán đủ vốn góp. Ngân hàng V đã gia hạn cho Công ty P trả nợ 18 kỳ vốn góp là 1.044.000.000 đồng vào ngày đáo hạn của hợp đồng; nhưng từ ngày 20/5/2010 đến nay Công ty P vẫn không trả đủ vốn và lãi cho Ngân hàng.

Ngân hàng V yêu cầu Tòa án buộc Công ty P trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ cụ thể: Tiền vốn 6.304.000.000 đồng, tiền lãi và phạt vi phạm hợp đồng tạm tính đến ngày 17/6/2020 gồm: Tiền lãi trong hạn 5.327.249.444 đồng, lãi quá hạn 11.681.485.950 đồng, phạt vi phạm hợp đồng 9.055.052.557 đồng và tiếp tục trả tiền lãi, phạt vi phạm hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp Công ty P không thanh toán được nợ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại Phường H, thị xã T, tỉnh Long An gồm: Thửa đất số 220, tờ bản đồ số 25, diện tích 220m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 065008, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00055 và thửa đất số 224, tờ bản đồ số 25, diện tích 284,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 065009, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T 00056; do Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp cho Công ty P ngày 28/4/2005 để thu hồi nợ.

Trong bản khai và biên bản hòa giải – Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên P trình bày:

Trước đây ông B là người đại diện theo pháp luật của Công ty P có ký Hợp đồng tín dụng dài hạn số 206/07/HDDH-VAB-CL ngày 20/9/2007 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 205/07/HĐTC-VAB-CL ngày 20/9/2007 với Ngân hàng V. Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn và chia tài sản giữa ông B và bà K, nên Công ty P đề nghị Tòa án nhân dân Quận 1

chuyển hồ sơ vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V đến Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An để giải quyết.

Tại phiên Tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V yêu cầu: Công ty P trả cho Ngân hàng V số tiền còn nợ tính đến ngày 25/8/2020 là 23.693.339.394 đồng; trong đó, tiền vốn là 6.304.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.327.249.444 đồng, tiền lãi quá hạn là 12.062.089.950 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 26/8/2020 cho đến khi Công ty P trả hết nợ cho Ngân hàng V.

Trường hợp Công ty P không thanh toán được nợ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại Phường H, thị xã T, tỉnh Long An gồm: Thửa đất số 220, tờ bản đồ số 25, diện tích 220m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 065008, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T 00055 và thửa đất số 224, tờ bản đồ số 25, diện tích 284,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 065009, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T 00056; do Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp cho Công ty P ngày 28/4/2005 để thu hồi nợ.

Ngân hàng V tự nguyện rút yêu cầu đòi Công ty P trả tiền phạt vi phạm hợp đồng là 9.055.052.557 đồng.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty P đồng ý trả tiền nợ phát sinh của Hợp đồng tín dụng dài hạn số 206/07/HĐDH-VAB-CL ngày 20/9/2007 cho Ngân hàng V, nhưng đề nghị cho Công ty P thời hạn 06 tháng để thu xếp trả nợ.

Với nội dung trên, Tại Bản án sơ thẩm số 100/2020/KDTM-ST ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 92, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung); khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc Công ty TNHH Một thành viên P trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 206/07/HĐDH-VAB-CL ngày 20/9/2007 tính đến ngày 25/8/2020 là 18.071.269.590 (mười tám tỷ không trăm bảy mươi một triệu hai trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm chín mươi) đồng gồm: Tiền gốc là 6.304.000.000 (sáu tỷ ba trăm lẻ bốn triệu) đồng, tiền lãi là 11.767.269.590 (mười một tỷ bảy trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm chín mươi) đồng, trong đó: Tiền lãi trong hạn là 4.158.223.441 (bốn tỷ một trăm năm mươi tám triệu hai trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm bốn mươi một) đồng và tiền lãi quá hạn là 7.609.046.149 (bảy tỷ sáu trăm lẻ chín triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn một trăm bốn mươi chín) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/8/2020) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản

nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi Công ty TNHH Một thành viên P trả xong số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 206/07/HDDH-VAB-CL ngày 20/9/2007; Ngân hàng Thương mại cổ phần V có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty TNHH Một thành viên P bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giữ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 205/07/HĐTC-VAB-CL ngày 20/9/2007 gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 065008, số vào sổ T 00055 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 065009, số vào sổ T 00056 do Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp cho Công ty P ngày 28/4/2005.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần V đòi Công ty TNHH Một thành viên P trả tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 9.055.052.557 (chín tỷ không trăm năm mươi lăm triệu không trăm năm mươi hai ngàn năm trăm năm mươi bảy) đồng.

3. Đến hạn trả nợ mà Công ty TNHH Một thành viên P không trả được nợ, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp, là Quyền sử dụng đất tại Phường H, thị xã T, tỉnh Long An gồm: Thửa đất số 220, tờ bản đồ số 25, diện tích 220m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 065008, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T 00055 và Thửa đất số 224, tờ bản đồ số 25, diện tích 284,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 065009, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T 00056; do Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp cho Công ty P ngày 28/4/2005; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 205/07/HĐTC-VAB-CL ngày 20/9/2007; công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Long An ngày 20/9/2007, số công chứng 224, quyền số 06TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký thế chấp ngày 20/9/2007 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Long An theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

4. Công ty TNHH Một thành viên P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp kinh doanh thương mại là 126.071.270 (một trăm hai mươi sáu triệu không trăm bảy mươi một ngàn hai trăm bảy mươi) đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp kinh doanh thương mại là 113.622.070 (một trăm mười ba triệu sáu trăm hai mươi hai ngàn không trăm bảy mươi) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 57.819.612 (năm mươi bảy triệu tám trăm mười chín ngàn sáu trăm mười hai) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AE/2010/09444 ngày 12/8/2011 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Ngân hàng Thương mại cổ phần V còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 55.802.458 (năm mươi lăm triệu tám trăm lẻ hai ngàn bốn trăm năm mươi tám) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 9 năm 2020, bị đơn – Công ty TNHH Một thành viên P có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án số 100/2020/DTM-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận 1 và ngày 09 tháng 9

năm 2020 nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa án về phần tiền lãi phát sinh và tiền án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở. Căn cứ vào thỏa thuận của hai bên tại Điều 4 của hợp đồng qui định lãi suất cho vay được điều chỉnh từng kỳ theo qui định của ngân hàng V. Ngày 01/4/2011 Ngân hàng V có điều chỉnh lãi suất áp dụng lãi suất cho vay trong hạn là 21%/năm theo thông báo số 526/TB-TGD/11 ngày 30/3/2011 để tính lãi là đúng với thỏa thuận của hai bên, do đến hạn bị đơn không thanh toán đủ nợ vay, toàn bộ số dư nợ gốc bị chuyển sang nợ quá hạn và chịu mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, tức mức 31,5% là đúng với thỏa thuận của hai bên. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể Ngân hàng V đòi Công ty P trả tiền nợ lãi gồm: Lãi trong hạn là 5.327.249.444 đồng, lãi quá hạn là 12.062.089.950 đồng và tiền lãi quá hạn được tiếp tục tính kể từ ngày 26/8/2020 cho đến khi Công ty P trả hết nợ theo mức lãi suất trong hợp đồng.

- Bị đơn – Công ty TNHH Một thành viên P là người kháng cáo đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai (theo Biên bản tổng đạt trực tiếp của Văn phòng thừa phát lại Quận 1 ngày 27/11/2020 và Ngày 21/12/2020) mà vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:* Việc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở, bị đơn đã được tổng đạt xét xử hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty P, giữ nguyên bản án sơ thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa hôm nay các bên không tự hòa giải với nhau được về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tại Điều 15 của Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận khi xảy ra tranh chấp thì Tòa án nơi có trụ sở của Ngân hàng V có thẩm quyền giải quyết, thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và được tòa án thụ lý giải quyết thì Ngân hàng V có trụ sở làm việc tại Quận 1, do thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và thụ lý giải quyết đã đúng thẩm quyền nên căn cứ hướng dẫn tại khoản 5 Điều 8 Nghị quyết số 03/2012/HĐTP-TATC của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không thay đổi thẩm quyền giải quyết, do đó Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định về thẩm quyền giải quyết theo qui định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; Kháng cáo của

bị đơn và của nguyên đơn là hợp lệ, nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp qui định tại Điểm b Khoản 3 Điều 38 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét người kháng cáo là Công ty TNHH Một thành viên P đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ qui định Khoản 3 Điều 296 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Một thành viên P.

[3] Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp gồm hợp đồng tín dụng dài hạn số 206/07/HDDH-VAB-CL ngày 20/9/2007 và lời thừa nhận của bị đơn có cơ sở xác định số nợ gốc tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/8/2020) bị đơn còn nợ nguyên đơn với số tiền nợ gốc là 6.304.000.000 đồng . Do đó tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán nợ là phù hợp thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và phù hợp với Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn không đồng ý với cách tính lãi của tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Điều 4 Hợp đồng tín dụng dài hạn số 206/07/HDDH-VAB-CL ngày 20/9/2007 hai bên đã thỏa thuận: Lãi suất năm thứ hai trở đi áp dụng lãi suất thả nổi, hàng năm được tính = Lãi suất cơ sở + 0,40%/tháng; lãi suất cơ sở là lãi suất huy động VNĐ 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của chương trình huy động có mức lãi suất cao nhất của VAB kể cả lãi suất ưu đãi nếu có tại thời điểm áp dụng điều chỉnh. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và lời thừa nhận của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa thì việc hàng năm Ngân hàng V không điều chỉnh lãi suất mà áp dụng mức lãi suất cho vay 21%/năm theo Thông báo số 526/TB-TGD/11 ngày 30/3/2011 của Ngân hàng V để tính lãi trên tổng khoản vay là không đúng. Cụ thể Công ty P vay tiền của Ngân hàng V ngày 20/9/2007 nên thời điểm điều chỉnh lãi suất là ngày 20/9 hàng năm. Căn cứ Phụ kiện hợp đồng số 01/PK –VAB-CL ngày 06/10/2008 và các quyết định ban hành lãi suất huy động, tiền gửi do Ngân hàng V xuất trình thì tiền lãi Công ty P phải trả cho Ngân hàng V được điều chỉnh lại theo cách tính của tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng dài hạn số 206/07/HDDH-VAB-CL ngày 20/9/2007 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh tòa án cấp sơ thẩm điều chỉnh tính toán lại mức lãi suất cho vay theo hàng năm là không đúng với các biểu lãi suất cho vay hàng năm của Ngân hàng V hoặc có nhầm lẫn sai sót trong số tiền tính lãi do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn về việc yêu cầu tính lại tiền lãi. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi trong hạn là 4.158.223.441 đồng và tiền lãi quá hạn là 7.609.046.149 đồng.

[5] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 205/07/HĐTC-VAB-CL ngày 20/9/2007 được ký giữa Công ty P và Ngân hàng V về việc thế chấp quyền sử dụng đất tại Phường H, thị xã T, tỉnh Long An (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 065008, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T 00055 và Quyền sử dụng thừa thừa đất số 224, tờ bản đồ số 25 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 065009, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T 00056; do Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp cho Công ty P ngày 28/4/2005) đã được công chứng hợp lệ tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Long An ngày 20/9/2007, số công chứng 224, quyền

số 06TP/CC-SCC/HĐGD và đã thực hiện việc đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Long An theo đúng qui định tại Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/07/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch đảm bảo. Do đó việc tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của Ngân hàng V trong trường hợp Công ty P không trả được nợ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn - Ngân hàng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp kinh doanh thương mại trên số tiền không được Tòa chấp nhận 5.622.069.804 đồng (23.693.339.394 đồng – 18.071.269.590 đồng) là 113.622.070 đồng là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc sửa lại tiền án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp kinh doanh thương mại đối với ngân hàng Việt Á.

[7] Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị căn cứ Điều 263 Bộ luật Tố tụng Dân sự, hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Một thành viên P.

Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần V. Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm số 100/2020/KDTM-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, Điều 217, khoản 1 Điều 273, Điều 280, khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 296 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 92, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung)

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

- Áp dụng khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Khoản 1 Điều 34 và Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Áp dụng khoản 1 Điều 8 và Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc Công ty TNHH Một thành viên P trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 206/07/HDDH-VAB-CL ngày 20/9/2007 tính đến ngày 25/8/2020 là 18.071.269.590 (mười tám tỷ không trăm bảy mươi một triệu hai trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm chín mươi) đồng gồm: Tiền gốc là 6.304.000.000 (sáu tỷ ba trăm lẻ bốn triệu) đồng, tiền lãi là 11.767.269.590 (mười một tỷ bảy trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm chín mươi) đồng, trong đó: Tiền lãi trong hạn là 4.158.223.441 (bốn tỷ một trăm năm mươi tám triệu hai trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm bốn mươi một) đồng và tiền lãi quá hạn là 7.609.046.149 (bảy tỷ sáu trăm lẻ chín triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn một trăm bốn mươi chín) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/8/2020) cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Một thành viên P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 206/07/HDDH-VAB-CL ngày 20/9/2007.

Sau khi Công ty TNHH Một thành viên P trả xong số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 206/07/HDDH-VAB-CL ngày 20/9/2007, Ngân hàng Thương mại cổ phần V có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty TNHH Một thành viên P bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giữ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 205/07/HĐTC-VAB-CL ngày 20/9/2007 gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 065008, sổ vào sổ T 00055 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 065009, sổ vào sổ T 00056 do Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp cho Công ty P ngày 28/4/2005.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần V đòi Công ty TNHH Một thành viên P trả tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 9.055.052.557 (chín tỷ không trăm năm mươi lăm triệu không trăm năm mươi hai ngàn năm trăm năm mươi bảy) đồng.

3. Đến hạn trả nợ mà Công ty TNHH Một thành viên P không trả được nợ, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại Phường H, thị xã T, tỉnh Long An gồm: Thửa đất số 220, tờ bản đồ số 25, diện tích 220m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 065008, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T 00055 và Thửa đất số 224, tờ bản đồ số 25, diện tích 284,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 065009, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T 00056; do Ủy ban nhân dân tỉnh Long An cấp cho Công ty P ngày 28/4/2005; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 205/07/HĐTC-VAB-CL ngày 20/9/2007; công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Long An ngày 20/9/2007, số công chứng 224, quyền số 06TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký thế chấp ngày 20/9/2007 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Long An theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

4. Về án phí:

4.1 Án phí KDTM sơ thẩm: Công ty TNHH Một thành viên P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp kinh doanh thương mại là 126.071.270 (một trăm hai mươi sáu triệu không trăm bảy mươi một ngàn hai trăm bảy mươi) đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp kinh doanh thương mại là 113.622.070 (một trăm mười ba triệu sáu trăm hai mươi hai ngàn không trăm bảy mươi) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm

đã nộp là 57.819.612 (năm mươi bảy triệu tám trăm mười chín ngàn sáu trăm mười hai) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AE/2010/09444 ngày 12/8/2011 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Ngân hàng Thương mại cổ phần V còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 55.802.458 (năm mươi lăm triệu tám trăm lẻ hai ngàn bốn trăm năm mươi tám) đồng.

4.2 Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần V phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Được căn trừ vào số tiền 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0029640 ngày 18/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty TNHH Một thành viên P phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Được căn trừ vào số tiền 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0029577 ngày 04/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Chinh